**DANH MỤC**

**TTHC PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Tên thủ tục** | **Tại xã** | **Liên thông** |
| **I** | **Lĩnh vực Văn hóa** | | |
| 1 | Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội | x |  |
| 2 | Thủ tục xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm | x |  |
| 3 | Thủ tục xét tặng giấy khen Gia đình văn hóa hàng năm | x |  |
| 4 | Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng | x |  |
| 5 | Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở | x |  |
| 6 | Thành lập Ban quản lý di tích cấp xã | x |  |
| 7 | Thủ tục thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng | x |  |
| 8 | Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện cộng đồng | x |  |
| **II** | **Lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư** | | |
| 1 | Thông báo thành lập tổ hợp tác | x |  |
| 2 | Thông báo thay đổi tổ hợp tác | x |  |
| 3 | Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác | x |  |
| **III** | **Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo** | | |
| 1 | Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học | x |  |
| 2 | Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại | x |  |
| 3 | Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập | x |  |
| 4 | Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập | x |  |
| 5 | Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập) | x |  |
| **IV** | **Lĩnh vực Nông nghiệp** |  |  |
| 1 | Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thuỷ lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện). | **x** |  |
| 2 | Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai | **x** |  |
| 3 | Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh | **x** |  |
| 4 | Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu | **x** |  |
| 5 | Cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại |  | **x** |
| 6 | Cấp lại giấy chứng nhận kinh tế trang trại |  | **x** |
| 7 | Cấp đổi giấy chứng nhận kinh tế trang trại |  | **x** |
| 8 | Thủ tục đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ trồng lúa sang trồng cây hàng năm hoặc trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa | x |  |
| **V** | **Lĩnh vực Nội vụ** |  |  |
| 1 | Đăng ký hoạt động tín ngưỡng | x |  |
| 2 | Đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng | x |  |
| 3 | Đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung | x |  |
| 4 | Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã | x |  |
| 5 | Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã | x |  |
| 6 | Đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung | x |  |
| 7 | Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã | x |  |
| 8 | Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác | x |  |
| 9 | Thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung | x |  |
| 10 | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho cá nhân, tập thể theo công trạng | x |  |
| 11 | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo chuyên đề | x |  |
| 12 | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đột xuất | x |  |
| 13 | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình | x |  |
| 14 | Thủ tục tặng danh hiệu Lao động tiên tiến | x |  |
| **VI** | **Lĩnh vực Lao động, Thương binh và Xã hội** |  |  |
| *1* | Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng | x |  |
| *2* | Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình | x |  |
| *3* | Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn | x |  |
| *4* | Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ chi phí mai táng | x |  |
| *5* | Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở | x |  |
| *6* | Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em | x |  |
| *7* | Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em | x |  |
| *8* | Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt | x |  |
| *9* | Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em | x |  |
| *10* | Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em | x |  |
| *11* | Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân |  | x |
| *12* | Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế, người có công giúp đỡ cách mạng đã chết. |  | x |
| *13* | Hồ sơ, thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến được tặng huân chương, huy chương chết trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi |  | x |
| *14* | Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch UBND cấp tỉnh |  | x |
| *15* | Hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Cam-pu-chia, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ |  | x |
| *16* | Hưởng chế độ trợ cấp một lần đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Cam-pu-chia, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc theo Quyết định số 62/2011/QĐ- TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ |  | x |
| *17* | Hưởng chế độ trợ cấp Mai táng phí đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Cam-pu-chia, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc theo Quyết định số 62/2011/QĐ- TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ |  | x |
| *18* | Giải quyết trợ cấp mai táng phí đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo bệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế |  | x |
| *19* | Giải quyết mai táng phí đối với đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 8/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ. |  | x |
| *20* | Hưởng thẻ Bảo hiểm y tế theo Thông tư 25/2016/TT-BLĐTBXH |  | x |
| *21* | Đề nghị xét tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự Bà mẹ Việt Nam anh hùng |  | x |
| 22 | Hỗ trợ hộ kinh doanh phải tạm ngừng kinh doanh do đại dịch COVID-19 |  | x |
| 23 | Hỗ trợ người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc do đại dịch COVID-19 nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp |  | x |
| 24 | Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh |  | **x** |
| 25 | Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp |  | **x** |
| 26 | Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Campuchia |  |  |
| 27 | Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện |  | **x** |
| -Trường hợp Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh |  |
| -Trường hợp Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện |  |
| 28 | Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện |  | **x** |
| -Trường hợp Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh |  |
| -Trường hợp Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện |  |
| 29 | Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh |  | **x** |
| 30 | Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương |  | **x** |
| 31 | Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội |  | **x** |
| 32 | Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp |  | **x** |
| 33 | Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng |  | **x** |
| 35 | Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở | x |  |
| 35 | Chính sách hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên học trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng tại các cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh Bắc Giang |  | **x** |
| 36 | Hỗ trợ hộ kinh doanh gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 |  | **x** |
| 37 | Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công | x |  |
| 38 | Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ |  | **x** |
| 39 | Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” |  | **x** |
| 40 | Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an |  | **x** |
| 41 | Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an |  | **x** |
| *- Đối với người bị thương thường trú tại địa phương nơi bị thương, do Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận bị thương* |  |
| *- Đối với người bị thương thường trú tại địa phương khác, do Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận bị thương* |  |
| *- Đối với người bị thương thường trú tại địa phương khác, không do Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận bị thương* |  |
| 42 | Lập sổ theo dõi, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý |  | **x** |
| 43 | Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý |  | **x** |
| 44 | Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý |  | **x** |
| 45 | Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học |  | **x** |
| *- Đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học* |  |
| *- Đối với người hoạt động kháng chiến có con đẻ bị dị dạng, dị tật đã được hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ mà bố (mẹ) chưa được công nhận là người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học* |  |
| *- Đối với trường hợp người hoạt động kháng chiến có vợ hoặc có chồng nhưng không có con đẻ* |  |
| 46 | Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học |  | **x** |
| 47 | Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày |  | **x** |
| 48 | Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế |  | **x** |
| 49 | Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng |  | **x** |
| 50 | Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân |  | **x** |
| *a) Trường hợp hồ sơ người có công không do quân đội, công an quản lý* |  |
| *b) Trường hợp hồ sơ người có công đang do quân đội, công an quản lý* |  |
| 51 | Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần |  | **x** |
| 52 | Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ |  | **x** |
| 53 | Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ |  | **x** |
| 54 | Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh |  | **x** |
| Đối với người hy sinh hoặc mất tích không thuộc quân đội, công an |  | **x** |
| + Trường hợp: Chủ tịch UBND cấp huyện cấp giấy chứng nhận hy sinh |  |
| + Trường hợp: Chủ tịch UBND tỉnh cấp giấy chứng nhận hy sinh |  |
| 55 | Cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công” |  | **x** |
| 56 | Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện | x |  |
| 57 | Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng |  | **x** |
| 58 | Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm | x |  |
| 59 | Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm | x |  |
| 60 | Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm | x |  |
| 61 | Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình | x |  |
| *62* | Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật | x |  |
| *63* | Cấp đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật | x |  |
| **VII** | **Lĩnh vực Tư pháp** |  |  |
| 1 | Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại | **x** |  |
| 2 | Công nhận tổ trưởng tổ hòa giải | **x** |  |
| 3 | Thôi làm hòa giải viên | **x** |  |
| 4 | Công nhận hòa giải viên | **x** |  |
| 5 | Cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật | **x** |  |
| 6 | Công nhận tuyên truyền viên pháp luật | **x** |  |
| 7 | Thanh toán thù lao cho hòa giải viên | **x** |  |
| 8 | Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi |  | **x** |
| 9 | Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi |  | **x** |
| 10 | Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận | **x** |  |
| 11 | Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được) | **x** |  |
| 12 | Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở | **x** |  |
| 13 | Chứng thực di chúc | **x** |  |
| 14 | Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản | **x** |  |
| 15 | Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở | **x** |  |
| 16 | Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở | **x** |  |
| 17 | Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch | **x** |  |
| 18 | Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch | **x** |  |
| 19 | Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực | **x** |  |
| 20 | Thủ tục Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước | x |  |
| 21 | Thủ tục Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước | x |  |
| 22 | Đăng ký khai sinh | x |  |
| 23 | Đăng ký kết hôn | x |  |
| 24 | Đăng ký nhận cha, mẹ, con | x |  |
| 25 | Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con | x |  |
| 26 | Đăng ký khai tử | x |  |
| 27 | Đăng ký khai sinh lưu động | x |  |
| 28 | Đăng ký kết hôn lưu động | x |  |
| 29 | Đăng ký khai tử lưu động | x |  |
| 30 | Đăng ký giám hộ | x |  |
| 31 | Đăng ký chấm dứt giám hộ | x |  |
| 32 | Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch | x |  |
| 33 | Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân | x |  |
| 34 | Đăng ký lại khai sinh | x |  |
| 35 | Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân | x |  |
| 36 | Đăng ký lại kết hôn | x |  |
| 37 | Đăng ký lại khai tử | x |  |
| 38 | Cấp bản sao trích lục hộ tịch | x |  |
| **VIII** | **Lĩnh vực Giao thông vận tải** |  |  |
| 1 | Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác | x |  |
| 2 | Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác | x |  |
| 3 | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật | x |  |
| 4 | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện | x |  |
| 5 | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa | x |  |
| 6 | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện | x |  |
| 7 | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác | x |  |
| 8 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện bị mất, hỏng | x |  |
| 9 | Xoá đăng ký phương tiện thủy nội địa. | x |  |
| 10 | Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu và biển quảng cáo trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường xã | x |  |
| 11 | Chấp thuận sử dụng tạm thời một phần hè phố, lòng đường không vì mục đích giao thông (thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã) | x |  |
| **IX** | **Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường** |  |  |
| 1 | Thủ tục xác nhận, chứng thực các giấy tờ liên quan đến đất đai | x |  |
| 2 | Thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai | x |  |
| 3 | Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường | x |  |